TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:199/2023/DS-PT
Ngày: 15/11/2023
V/v: "*Tranh chấp đòi lại tài sản "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung
Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ
Ông Lâm Triệu Hữu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Ông **Phan Thanh Hào** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2023/TLPT-DS, ngày 02 tháng 10 năm 2023 về "*Tranh chấp đòi lại tài sản "*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DS-ST ngày 18 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 199/2023/QĐPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967 (có mặt).
Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
- *Bị đơn*: Bà Lê Thị M, sinh năm 1958 (có mặt).
Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
Nơi đang sinh sống: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:
1.Huỳnh Thiên P, sinh năm 2006 (vắng mặt).
Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Thiên P là ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1965 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1967 (có mặt). Cùng địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc P1, sinh năm 1967 (có mặt).
Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
- *Người làm chứng*:

1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1965 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Lê Thị Á, sinh năm 1950 (vắng mặt). Địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị M là đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 30/03/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/06/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:* Bà H có nhận cố 08 công đất của bà Lê Thị M bằng 08 lượng vàng 24K, bà đã giao vàng đầy đủ cho bà M. Sau đó bà M thuê lại đất canh tác mỗi năm đong lúa cho bà H là 40 giạ, thời hạn đến năm 2017 thì trả vàng lại cho bà H. Hai bên không có lập hợp đồng cố đất mà chỉ viết hai tờ giấy tay ngày 27/05/2013.

Ngày 07/09/2014 bà M hỏi mượn bà H 3,5 lượng vàng 24K để trả tiền vật tư xây nhà. Bà M trả 05 chỉ vàng 24K, còn nợ lại 03 lượng vàng 24K có bà Lê Thị Tiếng l em ruột bà Lê Thị M chứng kiến.

Ngày 22/10/2010, bà có cho bà M mượn 4.000USD (đô la Mỹ) và 10,5 lượng vàng 24K, có biên nhận, bà M hứa vài tháng bán đất trả nhưng không trả. Do đó, bà yêu cầu bà Lê Thị M trả 08 lượng vàng 24K cầm cố đất ngày 27/05/2013, 03 (ba) lượng vàng 24K mượn ngày 07/09/2014; 4.000USD và 10,5 lượng vàng 24K mượn ngày 22/10/2010, tổng cộng là 21,5 lượng vàng 24K và 4.000 USD.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H chỉ yêu cầu bà M trả 08 lượng vàng 24K theo hai tờ giấy viết tay ngày 27/05/2013; 4.000 USD (đô la Mỹ) và 10,5 lượng vàng 24K theo giấy viết tay ngày 22/10/2010. Bà H rút lại yêu cầu bà Lê Thị M trả cho bà 3 lượng vàng 24K ngày 07/09/2014. Tổng cộng là 18,5 lượng vàng 24K và 4.000USD.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 10/05/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Ngọc P1 trình bày*: Bà là em ruột của bà H, còn bà M thì bà biết qua bà H giới thiệu. Bà M nhận bà làm con nuôi, kêu bà về sống chung với bà M. Bà có viết biên nhận ngày 22/10/2010, ngày 27/05/2013 và ngày 07/09/2014 dùm bà H có người làm chứng là bà Lê Thị T1. Số tiền, vàng mà bà H kiện bà M không liên quan gì đến bà, còn 4.000 USD là bà gửi cho bà H mua sữa cho Huỳnh Thiên P nên là tiền của bà H.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 31/05/2023, bản tự khai ngày 09/05/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Thiên P (con bà H) trình bày:* Số tiền 4.000 USD là của bà H cho bà M mượn, trong giấy tờ ghi tên Bé N, đó là tiền của bà H không liên quan đến cháu P nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn bà Lê Thị M vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án*.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm,* ông Huỳnh Văn T là cha của Huỳnh Thiên P trình bày: con ông không có tiền cho bà M mượn, việc giao nhận tiền, vàng là giao dịch giữa bà H và bà M vì lúc đó bà H sống chung nhà với bà M, đi theo bà M tu

tại gia, còn ông thì sống bên gia đình ông nên không biết, nay ông không có ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:33/2023/DS-ST ngày 18 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định;

Căn cứ các Điều 5, 6; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 147; Điều 217, 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015Điều 166, khoản 2 Điều 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H. Buộc bị đơn bà Lê Thị M phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H số vàng là 18,5 lượng vàng 24K (185 chỉ vàng) và 4.000USD (đô la Mỹ), được quy ra giá trị bằng tiền Việt Nam với tổng số tiền bà M phải trả cho bà H là 1.130.800.000đ (một tỷ, một trăm ba mươi triệu, tám trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu bà Lê Thị M trả 03 lượng vàng 24K, lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2023 bà M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do không có chứng cứ chứng minh bà M vay mượn hay cầm cố tài sản của bà H, bà H không thực hiện thủ tục đòi nợ bà M trước khi khởi kiện.

Tại phiên toà phúc thẩm, bà M thay đổi kháng cáo là không đồng ý trả tiền và vàng cho bà H như án sơ thẩm đã tuyên. Bà M trình bày bà M không có vay tiền và vàng của bà H, giữa bà H và bà M có mối quan hệ thân thích với nhau như mẹ con, sống chung nhà nên bà H nhiều lần đưa tiền cho bà M mua đất và cho người khác vay, mua khoảng 40 công đất và giao cho bà H đứng tên quyền sử dụng đất, bà H đưa bao nhiêu tiền bà M không nhớ, các lần đưa tiền không làm biên nhận. Bà M chỉ có mượn của bà H 3,5 lượng vàng 24K. Nay bà M không có tiền nên không đồng ý trả tiền cho bà H.

Bà H trình bày: Theo biên nhận nợ ngày 27/5/2013 có chữ ký tên của bà Lê Thị T1 thì bà M nợ bà H 05 (năm) lượng vàng 24K nhưng tại phiên toà phúc thẩm bà M chỉ đồng ý trả 3,5 lượng vàng 24K nên bà H tự nguyện giảm bớt 1,5 lượng vàng 24K, chỉ yêu cầu bà M trả 3,5 lượng vàng 24K, bà H giữ nguyên yêu cầu bà M trả 03 lượng vàng 24K theo biên nhận ngày 27/05/2013 có chữ ký tên của bà M và người làm chứng là Lê Thị T1, Nguyễn Ngọc P1, trả 10,5 lượng vàng 24K và 4.000USD theo biên nhận ngày 22/10/2010 có chữ ký tên của bà M, tổng cộng là 17 lượng vàng 24K và 4000 USD.

Bà P1 trình bày: Theo biên nhận ngày 22/10/2010 thì bà H cho bà M mượn tiền và bà P1 có viết dùm biên nhận, toàn bộ số tiền 4000 USD vào 10,5 lượng vàng 24K là của bà H cho bà M vay chứ không phải bà P1 cho bà M vay nên bà P1 không yêu cầu tòa án giải quyết số tiền, vàng này.

- Ông Huỳnh Văn T là cha của Huỳnh Thiên P trình bày: Số tiền 4.000 USD là tiền của bà H cho bà M mượn chứ không phải là tiền của cháu P.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà M. Sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bà M phải trả cho bà H 170 chỉ vàng 24K và 4000 USD. Bà M không phải chịu án phí phúc thẩm, án phí sơ thẩm được tính lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bà M còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm qui định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Theo lời trình bày của bà H, bà M còn nợ bà H 03 (ba) lượng vàng 24K thể hiện tại biên nhận ngày 27/5/2013 có chữ ký tên của bà M và người làm chứng là bà Lê Thị T1, Nguyễn Ngọc P1. Bà H cho bà M mượn 4.000USD và 10,5 lượng vàng 24K thể hiện tại biên nhận ngày 22/10/2010 có chữ ký tên của bà M. Bà H có cho bà Lê Thị M mượn 05 (năm) lượng vàng 24K thể hiện tại biên nhận ngày 27/5/2013 không có chữ ký tên của bà M mà chỉ có chữ ký tên của người làm chứng là bà Lê Thị T1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà M thừa nhận có nợ bà H 3,5 lượng vàng 24K chứ không phải 18,5 lượng vàng 24K như lời trình bày của bà H.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm bà M vắng mặt nên không có văn bản trình bày gửi cho Tòa án để phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho việc phản đối. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 qui định "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*.

[4] Tại phiên toà phúc thẩm, bà M trình bày giữa bà M và bà H có quan hệ thân thiết như mẹ con nên bà H nhiều lần đưa tiền cho bà M mua đất và cho người khác vay, đưa bao nhiêu tiền không biết, mua khoảng 40 công đất giao cho bà H đứng tên, các lần bà H đưa tiền cho bà M không làm biên nhận, chữ ký trong các biên nhận do bà Hậu cung c không phải là chữ ký của bà M. Bà H trình bày có cho bà M mượn tiền mua đất, bà M mua đất thì đứng tên quyền sử dụng đất chứ bà H không có đứng tên quyền sử dụng đất. Bà H và bà M cùng thống nhất trình bày bà M có chuyển nhượng cho bà H một thửa đất giá 1.700.000.000 đồng trong đó bà M đã sử dụng số tiền này để trả nợ vay Ngân

hàng là 800.000.000 đồng, trả nợ một số người khác là 700.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng là trừ tiền hụi bà M nợ bà H chứ không có trừ khoản tiền nợ nào khác.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy bà M không thừa thận có vay tiền của bà H nhưng đã ký tên vào biên nhận ngày 22/12/2010 nợ bà H 4.000USD và 10,5 lượng vàng 24K, biên nhận ngày 27/5/2013 nợ bà H 03 (ba) lượng vàng 24K và tại phiên tòa phúc thẩm thừa nhận còn nợ bà H 3,5 lượng vàng 24K, tổng cộng là 17 lượng vàng 24K + 4000 USD và bà H cũng tự nguyện nhận 17 lượng vàng 24K + 4000 USD. Bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh chữ ký trong các biên nhận không phải là của bà cũng như không yêu cầu giám định chữ ký. Do đó Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của bà M. Buộc bà M có nghĩa vụ trả bà H 17 lượng (170 chỉ) vàng 24K và 4.000 USD.

[6] Khi xét xử hợp đồng vay tài sản mà giao dịch là vàng thì không cần thiết phải qui đổi vàng thành tiền nhưng bản án sơ thẩm đã qui đổi vàng thành tiền, các đương sự đồng ý qui đổi vàng thành tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét. Số tiền được tính như sau: 17 (170 chỉ) lượng vàng 24K x 5.600.000đ /chỉ + (4.000USD x 23.700đ/USD) = 952.000.000đ + 94.800.000đ =1.046.800.000đ .

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà M thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí sơ thẩm. Bà H không phải nộp án phí sơ thẩm.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà M không phải nộp án phí phúc thẩm. Bà M thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu bà Lê Thị M trả 03 lượng vàng 24K không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M.

Sửa bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 18 tháng 08 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 5, 6; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 147, 148; Điều 217, 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015Điều 166, khoản 2 Điều 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015Điều 12, 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H.

Buộc bà Lê Thị M phải trả bà Nguyễn Thị Ngọc H số vàng là 17 lượng vàng 24K (170 chỉ vàng 24K) và 4.000USD (đô la Mỹ), được quy ra giá trị bằng

tiền Việt Nam với tổng số tiền bà M phải trả cho bà H là 1.046.800.000đ (một tỷ, không trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Thị M được miễn nộp án phí sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc H không phải nộp án phí sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Ngọc H số tiền tạm ứng án phí là 7.830.000đ (bảy triệu tám trăm, ba mươi ngàn đồng) theo biên lai số 0011377 ngày 11/04/2023 và số tiền 16.635.000đ (mười sáu triệu, sáu trăm, ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai số 0011459 ngày 16/05/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị M không phải nộp án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc H yêu cầu bà Lê Thị M trả 03 lượng vàng 24K (30 chỉ vàng 24K) không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Tổ Nghiệp vụ;
- TAND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyệnTam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Ngọc Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành Viên Hội Đồng Xét Xử **Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa**

Phạm Trường Thọ **Lâm Triệu Hữu** **Trần Thị Ngọc Dung**